VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1739/..07../..10../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK1: Mẫu không khí tại văn phòng; X=2385565; Y=408483
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK1	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	31	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	76	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,2	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	52,6	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	43,2	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	177	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	4013	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	79	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	113	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1790 /..07../..10../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK2: Mẫu không khí khu vực trạm nghiền; X=2385643; Y=408383
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK2	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	31,4	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	75	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,4	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	53,7	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	42,4	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	186	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	3800	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	78	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	101	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS. Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1741/07/10/ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK3: Mẫu không khí khu vực khai trường; X=2385661; Y=408396
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK3	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	31	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	72	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,8	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	49,7	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	41,4	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	168	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	4063	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	77	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	107	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1792/..07../..10../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK4: Mẫu không khí trước cổng; X=2385591; Y=408495
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK4	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	32,5	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	70	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,8	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	56,2	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	45,7	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	198	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	4280	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	88	350
9	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	116	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1793/..07../..10../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu không khí xung quanh
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	KK5: Mẫu không khí khu dân cư gần mỏ; X=2486464; Y=408630
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KK5	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ (+)	°C	QCVN 46:2022/BNTMT	30,8	-
2	Độ ẩm (+)	%RH	QCVN 46:2022/BNTMT	71	-
3	Tốc độ gió (+)	m/s	QCVN 46:2022/BNTMT	0,4	-
4	Tiếng ồn (+)	dBA	TCVN 7878-2:2018	55,6	70 (QCVN26)
5	Độ rung (+)	dB	TCVN 6963:2001	46,2	75 (QCVN27)
6	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm3	TCVN 5067:1995	186	300
7	CO	µg/Nm3	NB.PT.KK-01	3650	30.000
8	SO2	µg/Nm3	TCVN 5971:1995	82	350
0	NO2	µg/Nm3	TCVN 6137:2009	112	200

Ghi chú:
- *QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn Chất lượng không khí*
- *QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn*
- *(+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.*
- *QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung*

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1799/.07./.10./ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu nước dưới đất
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	NN: Mẫu nước dưới đất; X=2385596; Y=408488
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT
				NN	Giá trị giới hạn
1	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO) (+)	mg/L	TCVN 7325:2016	4	≥ 5,0
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	7	-
3	pH (+)	-	TCVN 6492:2011	7,4	5,8-8,5
4	Chloride (Cl-)	mg/L	TCVN 6194:1996	3,65	250
5	Nitrat (NO3- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	2,03	15
6	Amoni (NH4+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	1
7	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	40	-

Ghi chú:
- QCVN 09:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
- (+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1795/..07../..10../ 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu nước mặt
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	NM: Mẫu nước mặt; X=2385600; Y=408507
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2)
				NM	Mức B
1	pH (+)	-	TCVN 6492:2011	7,9	6,0 -8,5
2	Hàm lượng Oxy hòa tan (DO) (+)	mg/L	TCVN 7325:2016	6	≥ 5,0
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	9	≤100
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	6,4	≤ 15
5	Amoni (NH4+ tính theo N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,02)	0,3
6	Chloride (Cl-)	mg/L	TCVN 6194:1996	2,19	250
7	Nitrat (NO3- tính theo N)	mg/L	TCVN 6180:1996	1,28	-

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước mặt

+ Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

- (+) - Chỉ tiêu được đo tại hiện trường.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1796/ 07 / 10 / 2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu đất
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	Đ1: Mẫu đất trong xưởng; X=2385588; Y=408478
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT
				Đ1	Loại 1
1	Arsenic (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A + TCVN 8467:2010	3,4	25
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,1)	4
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	22,4	200
4	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	17,7	150
5	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	85,6	300

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

+ Loại 1 - Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác. Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B8 khu đấu giá Yên Xá, phường Hà Đông, TP. Hà Nội;
Giấy phép đăng ký KHCN số B-41/2017/ĐK-KH&CN do Sở KHCN Tp. Hà Nội cấp;
Giấy phép quan trắc số hiệu: VIMCERTS 228 do Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp;
Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017 mã số VLAT-1.2145.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1747/07/10/2026

1	Tên khách hàng	Công ty CP tư vấn phát triển công nghệ và xử lý môi trường Âu Việt
2	Địa chỉ	Số 1, ngõ 195, tổ 5, phố Yên Duyên, phường Hoàng Mai, TP. Hà Nội
3	Tên mẫu	Mẫu đất
4	Địa điểm lấy mẫu	Dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Chằm Đèo Phiếu, tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn Địa chỉ: Tại xã Cai Kinh, Tỉnh Lạng Sơn, thuộc Công ty TNHH Thịnh An Bình
5	Ký hiệu mẫu	Đ2: Mẫu đất ngoài xưởng; X=2385505; Y=408534
6	Kế hoạch lấy mẫu	453/KHLM-PKH-IETA
7	Ngày lấy mẫu: 03/10/2026	
8	Ngày PTN nhận mẫu: 05/10/2026	Ngày phân tích: 05/10/2026 đến 07/10/2026

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT
				Đ2	Loại 1
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	KPH (MDL=0,1)	4
2	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	31,2	200
3	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	20,3	150
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	89,8	300
5	Arsenic (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A + TCVN 8467:2010	3,3	25

Ghi chú:

- QCVN 03:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất

+ Loại 1 - Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác. Bao gồm các loại đất sau đây: Nhóm đất nông nghiệp gồm: Đất trồng cây hàng năm, Đất trồng cây lâu năm và Đất nông nghiệp khác theo quy định của pháp luật về đất đai; Đất nuôi trồng thủy sản; Đất làm muối; Đất ở gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng, khu vui chơi, giải trí công cộng; đất chợ và đất công trình công cộng khác.

Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2026

TRƯỞNG PHÒNG PHÂN TÍCH

CN. Nguyễn Phan Hương Ly

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

PGS. TS Đinh Ngọc Tấn

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Viện IETA trực tiếp lấy mẫu tại hiện trường.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện IETA.